

Số: /KH-SYT

Lào Cai, ngày tháng 3 năm 2020

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số năm 2020

Căn cứ Quyết định 1125/QĐ-TTg ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020; Thông tư số 26/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020; Căn cứ Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 21/02/2020 của UBND tỉnh Lào Cai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2020, Sở Y tế ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Chủ động trong quản lý dịch bệnh, phát hiện sớm, kịp thời khống chế không để dịch lớn xảy ra. Giảm tỷ lệ mắc, tỷ lệ tử vong một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm; phát hiện sớm, quản lý, điều trị các bệnh không lây nhiễm phổ biến, bệnh tật lứa tuổi học đường bảo đảm sức khỏe cộng đồng. Nâng cao năng lực quản lý, kiểm soát an toàn thực phẩm (ATTP), đẩy mạnh công tác hậu kiểm, giám sát, cảnh báo nguy cơ ATTP, truy xuất minh bạch nguồn gốc thực phẩm an toàn.

Bảo đảm cung cấp máu, an toàn truyền máu và phòng, chống hiệu quả một số bệnh lý huyết học. Khống chế và giảm tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng, giảm tác động của HIV/AIDS đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống tiêm chủng; duy trì các kết quả đã đạt được, khống chế và loại trừ một số bệnh có vắc xin phòng ngừa. Tập trung giảm sinh ở các huyện vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; duy trì mức sinh thay thế ở khu vực thành phố, thị xã, thị trấn; cải thiện tình trạng dinh dưỡng, nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Tăng cường công tác kết hợp quân dân y trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

2. Các mục tiêu cụ thể

a) Dự án 1: Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến

- Giảm tỷ lệ mắc bệnh lao dưới 131/100.000 dân;
- Duy trì 100% bệnh nhân phong dị hình tàn tật được chăm sóc y tế, 100% bệnh nhân tàn tật nặng được phục hồi chức năng, hòa nhập cộng đồng. 100% số huyện/thị trong vùng dịch tễ lưu hành đạt 4 tiêu chuẩn loại trừ bệnh phong tuyến huyện;

- Giảm tỷ lệ mắc sốt rét/1.000 dân < 0,1; không để tử vong do sốt rét;
- Giảm 8% tỷ lệ mắc sốt xuất huyết trung bình/100.000 dân so với trung bình giai đoạn 2011-2015; khống chế tỷ lệ chết/mắc hàng năm do sốt xuất huyết (SXH) dưới 0,09%;
- 100% số xã, phường, thị trấn quản lý bệnh nhân tâm thần phân liệt; 100% số xã, phường, thị trấn quản lý bệnh nhân động kinh và 15% số xã/phường quản lý bệnh nhân rối loạn trầm cảm. Quản lý, điều trị và phục hồi chức năng tại cộng đồng cho 85% số bệnh nhân tại các xã, phường, thị trấn đã được triển khai;
- 20% số người mắc ung thư khoang miệng, vú, cổ tử cung, đại trực tràng được phát hiện ở giai đoạn sớm; 80% cán bộ y tế hoạt động trong dự án được đào tạo nâng cao nghiệp vụ về phòng chống ung thư; thành lập 01 trung tâm ung bướu trong giai đoạn 2018-2020;
- 40% số người bị tăng huyết áp được phát hiện sớm; 40% số người phát hiện bệnh được quản lý, điều trị theo hướng dẫn chuyên môn;
- 40% số người bệnh đái tháo đường được phát hiện, trong đó 40% được quản lý, điều trị. Khống chế tỷ lệ tiên đái tháo đường < 20% ở người 30-69 tuổi và khống chế tỷ lệ đái tháo đường < 10% ở người 30-69 tuổi;
- Giảm tỷ lệ bướu cổ trẻ em từ 8-10 tuổi < 8%;
- 35% số người mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính được phát hiện ở giai đoạn sớm trước khi có biến chứng; trên 95% số người đã phát hiện bệnh được điều trị theo hướng dẫn chuyên môn;
- 35% số người bệnh hen phế quản được phát hiện và điều trị ở giai đoạn sớm trước khi có biến chứng; 35% số người bệnh hen phế quản được điều trị đạt kiểm soát hen, trong đó 15% đạt kiểm soát hoàn toàn;
- Giảm ít nhất 30% tỷ lệ mắc mới các bệnh tật ở trẻ mầm non, học sinh phổ thông như: Cận thị, cong vẹo cột sống, thừa cân, béo phì, bệnh răng miệng, rối loạn tâm thần học đường so với tỷ lệ mắc mới năm 2015. Trên 90% số trẻ mầm non, học sinh phổ thông được sàng lọc, tư vấn điều trị cận thị, cong vẹo cột sống, thừa cân béo phì, bệnh răng miệng, rối loạn tâm thần học đường; 85% số học sinh ở vùng nguy cơ cao được tẩy giun định kỳ 2 lần/năm.

b) Dự án 2: Tiêm chủng mở rộng

- Duy trì tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ (TCĐĐ) cho trẻ <1 tuổi hằng năm đạt trên 95%;
- Duy trì thanh toán bại liệt, loại trừ uôn ván sơ sinh, tiến tới loại trừ bệnh sởi và triển khai một số vắc xin mới.

c) Dự án 3: Dân số và phát triển

- Tỷ lệ bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh: 25%, tỷ lệ trẻ em mới sinh được sàng lọc sơ sinh: 50%;
- Tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại: > 70%;
- Tỷ số giới tính khi sinh không quá 115 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái;

- Tỷ lệ vị thành niên, thanh niên được thông tin giáo dục, tư vấn sức khỏe sinh sản: 55%;

- 40% người khuyết tật có nhu cầu được tiếp cận với dịch vụ phục hồi chức năng phù hợp; 60% trẻ em khuyết tật < 6 tuổi được phát hiện, can thiệp sớm.

- Tỷ lệ Người cao tuổi được quản lý, khám sức khỏe tại cộng đồng: 40%;

- Giảm tỷ suất chết mẹ xuống còn 52/100.000 trẻ đẻ sống;

- Giảm tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi xuống còn < 21%;

- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (SDD) thể nhẹ cân < 18%;

- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi < 32%;

d) Dự án 4: An toàn thực phẩm

- Giảm 5% vụ ngộ độc thực phẩm tập thể từ 30 người mắc/vụ trung bình giai đoạn 2016-2020 so với trung bình giai đoạn 2011-2015; tỷ lệ mắc ngộ độc thực phẩm cấp tính trong vụ ngộ độc được ghi nhận dưới 7 người/100.000 dân;

- 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm trên địa bàn tỉnh được quản lý, trong đó 83% cơ sở đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm; 100% các tổ chức, cá nhân vi phạm điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm được xử lý, giải quyết triệt để.

- Duy trì, phát triển phòng kiểm nghiệm thực phẩm đạt chuẩn TCVN ISO/IEC 17025: 2005;

- 80% người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm; người tiêu dùng; người quản lý được cập nhật kiến thức về ATTP;

- Tỷ lệ mẫu vượt mức cho phép/tổng số mẫu được kiểm tra ATTP trong các chương trình giám sát về ATTP nông sản < 6%;

- Tỷ lệ mẫu vượt mức cho phép/tổng số mẫu được kiểm tra ATTP trong các chương trình giám sát về ATTP thủy sản < 4%;

- Hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng, áp dụng các chương trình quản lý chất lượng tiên tiến. Xây dựng 01 mô hình chợ bảo đảm an toàn thực phẩm.

đ) Dự án 5: Phòng, chống HIV/AIDS

- Không chế tỷ lệ lây nhiễm HIV/AIDS tại cộng đồng dân cư xuống dưới 0,3%. Số trường hợp nhiễm mới HIV do lây nhiễm qua đường tiêm chích ma túy giảm 25%, do lây nhiễm qua đường tình dục giảm 20%, so với năm 2015;

- 70% số người nhiễm HIV trong cộng đồng biết tình trạng nhiễm HIV của mình; 70% số người đã chẩn đoán nhiễm HIV được điều trị thuốc kháng vi rút (ARV); 70% số người điều trị ARV có tải lượng vi rút HIV thấp dưới ngưỡng ức chế.

e) Dự án 6: Bảo đảm máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học

- Số lượng máu tiếp nhận đạt 5.000 đơn vị trên toàn tỉnh vào năm 2020;

- Bệnh viện Đa khoa tỉnh đủ khả năng chẩn đoán và điều trị bệnh tan máu bẩm sinh (bệnh Thalassemia);

- 8% bệnh nhân mắc bệnh ưa chảy máu (bệnh Hemophilia) được chẩn đoán và quản lý.

g) Dự án 7: Quân dân y kết hợp

- Hỗ trợ nâng cấp, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị cho phòng khám quân dân y khu vực biên giới;

- Cập nhật kiến thức hằng năm cho 100% lực lượng đội điều trị dự bị động viên của tỉnh và đội ngũ cán bộ tham gia công tác quân dân y kết hợp.

h) Dự án 8: Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế

- 100% các huyện, thị xã, thành phố được kiểm tra, giám sát thực hiện triển khai các dự án/hoạt động;

- 100% các huyện, thị xã, thành phố truyền thông các nội dung của Chương trình trên các phương tiện thông tin đại chúng.

II. CÁC NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Dự án 1: Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến

1.1. Hoạt động phòng, chống lao:

- Triển khai các can thiệp tích cực, phát hiện chủ động, chẩn đoán sớm và quản lý bệnh nhân lao, lao kháng thuốc, bảo đảm chất lượng điều trị, tăng tỷ lệ điều trị thành công, giảm tỷ lệ thất bại, bỏ điều trị, chết;

- Cung ứng đủ thuốc chống lao từ chương trình cho các huyện, thị xã, thành phố.

- Tổ chức tập huấn cho cán bộ tuyến tỉnh, huyện, xã về quản lý Chương trình chống Lao và xét nghiệm Lao;

- Giám sát chuyên môn, hiệu quả hoạt động phòng chống lao tại các tuyến, tăng cường áp dụng hệ thống thông tin điện tử trong quản lý dữ liệu và quản lý chương trình.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng chống bệnh Lao.

1.2. Hoạt động phòng, chống phong:

- Tổ chức khám điều tra phát hiện bệnh nhân phong mới tại 10-15 xã/phường trong địa bàn toàn tỉnh (tập chung tại các xã có bệnh nhân phong đang quản lý);

- Phòng chống tàn tật, phục hồi chức năng và tái hòa nhập cộng đồng cho bệnh nhân phong;

- Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn chuyên môn về phòng, chống phong, tập chung ở những xã trọng điểm;

- Giám sát chuyên môn hoạt động phòng chống phong ở địa phương;

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng, chống bệnh Phong.

1.3. Hoạt động phòng, chống sốt rét:

- Tăng cường công tác truyền thông phòng, chống bệnh sốt rét;
- Tiếp tục triển khai các hoạt động thực hiện loại trừ sốt rét trong năm 2020 và tích cực triển khai các hoạt động phòng ngừa sốt rét quy trở lại sau khi loại trừ;
- Tiếp nhận, cung cấp thuốc, vật tư, hóa chất dự trữ cho tỉnh, huyện nhằm đảm bảo đủ cơ số thuốc sốt rét và hóa chất dự trữ cho hoạt động điều trị bệnh nhân sốt rét và xử lý ổ bệnh (nếu có);
- Đào tạo, tập huấn chuyên môn về phòng, chống sốt rét;
- Điều tra dịch tễ sốt rét: Tổ chức điều tra dịch tễ sốt rét tại điểm nguy cơ sốt rét (di biến động dân, dân vùng biên giới, dân đi rừng ngủ rẫy...) nhằm phát hiện bệnh nhân mắc mới, quản lý tốt ca bệnh và các yếu tố dịch tễ có liên quan đến sốt rét;
- Duy trì giám sát tại các địa phương nhằm phát hiện sớm các trường hợp sốt rét ngoại lai, chú ý đối với các trường hợp đi, về từ các vùng sốt rét lưu hành. Tổ chức phun, tẩm hóa chất diệt muỗi bảo vệ cho dân tại các ổ bệnh (nếu có).
- Tổ chức giám sát hoạt động điểm kính hiển vi tại 8/9 huyện, thị xã, thành phố có điểm kính hiển vi, chú trọng những điểm kính trung bình, yếu hoặc chưa hoạt động;
- Tổ chức điều tra muỗi xác định thành phần loài, mật độ, tập tính, dự kiến 2 điểm/2 huyện, thị xã, thành phố.

1.4. Hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết:

- Thực hiện giám sát trọng điểm tại 7 xã/ của 3 huyện, thành phố (Bảo Thắng, Bảo Yên và Thành phố Lào Cai);
- Đào tạo, tập huấn chuyên môn về phòng, chống sốt xuất huyết;
- Tổ chức 10 lớp tập huấn về chuyên môn cho cán bộ y tế tỉnh, huyện, xã với nội dung phòng, chống sốt xuất huyết (01 lớp tuyến tỉnh; 09 lớp tuyến huyện);
- Bổ sung vật tư, hóa chất, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống sốt xuất huyết khi có dịch bùng phát trên địa bàn tỉnh.
- Tăng cường công tác truyền thông phòng chống bệnh sốt xuất huyết tại cộng đồng.

1.5. Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần:

- Quản lý, điều trị và phục hồi chức năng cho các bệnh nhân tâm thần phân liệt, động kinh và trầm cảm đã được phát hiện ở giai đoạn trước;
- Phát hiện, lập hồ sơ điều trị, quản lý, phục hồi chức năng cho bệnh nhân tâm thần phân liệt, động kinh và trầm cảm mới;
- Đào tạo, tập huấn chuyên môn phát hiện, quản lý, điều trị và phục hồi chức năng bệnh nhân tâm thần;
- Giám sát chuyên môn hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần.

1.6. Hoạt động phòng, chống ung thư:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn phòng, chống bệnh ung thư, các yếu tố nguy cơ; tổ chức khám sàng lọc ung thư tại cộng đồng;
- Đào tạo tập huấn chuyên môn phòng, chống bệnh ung thư;
- Triển khai các hoạt động chăm sóc giảm nhẹ cho người bệnh ung thư;
- Chuẩn bị các điều kiện để thành lập Trung tâm Ung bướu quy mô 100-200 giường bệnh thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh;
- Giám sát chuyên môn hoạt động phòng, chống ung thư.

1.7. Hoạt động phòng, chống bệnh tim mạch:

- Tổ chức các khóa đào tạo tập huấn chuyên môn phòng, chống bệnh tim mạch cho cán bộ y tế, tăng cường công tác tuyên truyền phòng chống bệnh tim mạch trên địa bàn tỉnh;
- Sàng lọc phát hiện sớm, quản lý người bệnh tăng huyết áp;
- Xây dựng, triển khai mô hình ghi nhận, quản lý người bệnh tai biến mạch máu não, nhồi máu cơ tim.

1.8. Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng, chống các rối loạn do thiếu Iốt:

- Phối hợp điều tra, giám sát dịch tễ học bệnh đái tháo đường, các rối loạn do thiếu Iốt, chất lượng gia vị mặn chứa Iốt trên địa bàn tỉnh;
- Phát hiện sớm người mắc bệnh đái tháo đường, tiền đái tháo đường để áp dụng các biện pháp quản lý, điều trị;
- Tổ chức các khóa đào tạo tập huấn chuyên môn phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng, chống các rối loạn do thiếu Iốt. Tăng cường công tác tuyên truyền phòng chống đái đường và phòng chống rối loạn do thiếu Iốt.

1.9. Hoạt động phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản (BPTNMT&HPQ):

Đào tạo, tập huấn chuyên môn BPTNMT&HPQ. Sàng lọc phát hiện sớm, quản lý người bệnh mắc BPTNMT&HPQ. Tăng cường truyền truyền về phòng chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính.

1.10. Hoạt động Y tế trường học:

- Tổ chức hội nghị liên ngành y tế - giáo dục triển khai công tác y tế trường học hằng năm;
- Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn chuyên môn phòng, chống bệnh, tật lứa tuổi học đường;
- Thực hiện các hoạt động giáo dục sức khỏe, thay đổi hành vi về phòng, chống bệnh, tật lứa tuổi học đường cho học sinh;
- Thực hiện các hoạt động dự phòng, phát hiện sớm nguy cơ, tư vấn, chăm sóc, quản lý sức khỏe học sinh. Triển khai khám chuyên khoa, phát hiện các bệnh, tật thường gặp ở lứa tuổi học đường;
- Tổ chức giám sát liên ngành về y tế trường học.

2. Dự án 2: Tiêm chủng mở rộng

- Duy trì công tác tiêm chủng và tổ chức các chiến dịch tiêm chủng;
- Tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn tiêm chủng mở rộng;
- Giám sát chuyên môn tiêm chủng mở rộng;
- Cung ứng đủ vắc xin, vật tư tiêm chủng đáp ứng nhu cầu tiêm chủng cho trẻ em, phụ nữ có thai, nữ trong độ tuổi sinh đẻ trên toàn tỉnh và các sinh phẩm, vật tư tiêu hao chẩn đoán các bệnh truyền nhiễm trong tiêm chủng mở rộng;
- Quản lý đối tượng tiêm chủng trên hệ thống thông tin tiêm chủng quốc gia;
- Củng cố, nâng cấp, sửa chữa hệ thống dây chuyền lạnh trên địa bàn tỉnh.

3. Dự án 3: Dân số và phát triển

3.1. Hoạt động Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (DS - KHHGD):

- Hỗ trợ mua phương tiện tránh thai và thanh toán các dịch vụ kỹ thuật Sức khỏe sinh sản/Kế hoạch hóa gia đình (SKSS/KHHGD) đảm bảo đúng định mức theo quy định chuyên môn cho các đối tượng người nghèo, dân tộc thiểu số tại các xã có mức sinh cao và đối tượng là vị thành niên/thanh niên;
- Hỗ trợ nhân lực, mua sắm, sửa chữa trang thiết bị chuyên môn, kỹ thuật các tuyến phục vụ chiến dịch SKSS/KHHGD tại các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới. Hỗ trợ củng cố cơ sở vật chất các kho chứa phương tiện tránh thai;
- Đẩy mạnh XHH cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD tại khu vực đô thị và nông thôn phát triển theo Đề án của BYT.
- Tổ chức can thiệp giảm tình trạng người chưa thành niên, thanh niên mang thai ngoài ý muốn, chú trọng nhà trường, khu công nghiệp và các địa bàn đặc thù. Thành lập các mô hình điểm, xây dựng các điểm tư vấn và cung cấp dịch vụ KHHGD chuyên biệt, thân thiện;
- Tầm soát các dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh và nâng cao chất lượng dân số triển khai mở rộng dịch vụ sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh, hỗ trợ cho các đối tượng được miễn phí theo quy định;
- Triển khai mô hình tư vấn chăm sóc sức khỏe tiền hôn nhân, tư vấn và cung cấp dịch vụ KHHGD cho vị thành niên/thanh niên; mô hình tư vấn chăm sóc sức khỏe người cao tuổi dựa vào cộng đồng. Hỗ trợ và mở rộng triển khai các mô hình xã điểm về giảm tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống và giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh tại các xã có nhiều dân tộc thiểu số và có dấu hiệu mất cân bằng giới tính khi sinh. Duy trì các mô hình “Góc thân thiện” cho thanh niên, vị thành niên tại các Trường THPT và Trung học cơ sở;
- Tổ chức triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng dân số các dân tộc ít người: Thành lập các mô hình, câu lạc bộ, triển khai các hoạt động truyền thông phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương;
- Tập huấn kỹ năng truyền thông: Kiến thức và kỹ năng thực hiện các hoạt động cho cán bộ là chủ nhiệm các câu lạc bộ, trưởng thôn, cán bộ xã, huyện, tỉnh. Chủ động tập huấn về các quy định của pháp luật về: Nghiêm cấm lựa chọn

giới tính thai nhi; tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống... phù hợp với tình hình thực tế nhiệm vụ của địa phương;

- Kiểm soát tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh. Khuyến khích cộng đồng, tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách dân số; đưa nội dung chính sách dân số vào hương ước, quy ước, vào chương trình đào tạo của các cơ sở giáo dục, đào tạo và các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ;

- Hỗ trợ người nghèo, người cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân sống tại vùng mức sinh cao, dân tộc thiểu số sống tại xã đặc biệt khó khăn thực hiện dịch vụ KHHGD và xử lý tai biến theo chuyên môn y tế (*nếu có*). Tư vấn sử dụng, theo dõi, quản lý đối tượng sử dụng các biện pháp tránh thai, KHHGD;

- Truyền thông trực tiếp tại cộng đồng thông qua đội ngũ cộng tác viên dân số, chú trọng công tác thăm, tư vấn tại hộ gia đình và tư vấn nhóm nhỏ cho các đối tượng khó tiếp cận và địa bàn trọng điểm;

- Tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép với cung cấp dịch vụ DS - KHHGD tại các địa bàn trọng điểm, nâng cao nhận thức về mất cân bằng giới tính khi sinh; tổ chức các hoạt động nhân các sự kiện DS - KHHGD; tuyên truyền phổ biến, giáo dục về DS - KHHGD;

- Hỗ trợ cộng tác viên thực hiện công tác DS - KHHGD.

3.2. Hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại cộng đồng:

- Xây dựng mô hình phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại tuyến y tế cơ sở; tổ chức đào tạo, tập huấn về quản lý, cung cấp dịch vụ phục hồi chức năng cơ bản tại cơ sở (*1 lớp, 20 học viên*);

- Sàng lọc phát hiện khuyết tật và nhu cầu phục hồi chức năng cho người khuyết tật;

- Mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động chuyên môn của dự án.

3.3. Hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi:

- Quản lý, theo dõi, khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi tại cộng đồng;

- Xây dựng mô hình chăm sóc sức khỏe dài hạn, mô hình chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng, tại các đơn vị nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe tập trung (Trung tâm chăm sóc sức khỏe) cho người cao tuổi;

- Đào tạo, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng thực hành cho cán bộ, nhân viên cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng;

- Tổ chức khám sàng lọc phát hiện bệnh sớm ở người cao tuổi.

3.4. Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản:

- Đào tạo, tập huấn chuyên môn chăm sóc sức khỏe sinh sản với các chủ đề: Làm mẹ an toàn và chăm sóc sơ sinh, chăm sóc sức khỏe trẻ em, chăm sóc sức khỏe vị thành niên, phòng chống nhiễm khuẩn đường sinh sản, triển khai liên kết dịch vụ và dự phòng một số bệnh lây truyền từ cha mẹ sang con;

- Cung cố các đơn nguyên sơ sinh và phòng chăm sóc trẻ sơ sinh bằng phương pháp Kangaroo để nuôi dưỡng, điều trị trẻ sơ sinh bệnh lý, trẻ sơ sinh nhẹ cân non tháng tại 8 bệnh viện (2 bệnh viện tuyến tỉnh và 6 bệnh viện đa khoa huyện);

- Duy trì hoạt động của 04 câu lạc bộ: Các câu lạc bộ tổ chức truyền thông dưới nhiều hình thức như: Tổ chức sinh hoạt ngoại khoá truyền thông về SKSS, giao lưu với chuyên gia về SKSS, cuộc thi tìm hiểu về SKSS;

- Tổ chức khám và điều trị các bệnh lây truyền qua đường tình dục, sàng lọc phát hiện sớm ung thư cổ tử cung.

3.5. Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em:

- Đào tạo, tập huấn và giám sát chuyên môn về cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em;

- Tăng cường công tác truyền thông về phòng chống suy dinh dưỡng. Hướng dẫn thực hành kỹ thuật chế biến thức ăn và chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ có con dưới 5 tuổi bị SDD hoặc thừa cân béo phì;

- Tổ chức các chiến dịch bổ sung Vitamin A kết hợp với tẩy giun, chiến dịch phòng, chống suy dinh dưỡng;

- Cung cấp sản phẩm dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú, trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thuộc hộ gia đình nghèo, cận nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội, vùng cần được hỗ trợ khẩn cấp về dinh dưỡng;

- Nhân rộng Mô hình cải thiện thực hành nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ nhỏ (IYCF) lồng ghép quản lý điều trị trẻ suy dinh dưỡng nặng cấp tính (IMAM) tại 22 xã xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

- Hàng năm tổ chức điều tra, đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi (điều tra 30 cụm) trên địa bàn tỉnh.

4. Dự án 4: An toàn thực phẩm (ATTP)

- Triển khai mạnh mẽ và đồng bộ các hoạt động thông tin, giáo dục và truyền thông thay đổi hành vi về ATTP; xây dựng, nâng cao số lượng, chất lượng các tài liệu và thông điệp truyền thông về ATTP; Tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức đến mọi người dân kiến thức khoa học, pháp luật về ATTP để chủ động phòng ngừa ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua đường thực phẩm cho bản thân, gia đình và cộng đồng;

- Bổ sung các trang bị thiết bị test nhanh, phương tiện, dụng cụ, hóa chất phục vụ hoạt động chuyên môn về an toàn thực phẩm; định kỳ hiệu chuẩn trang thiết bị phục vụ kiểm nghiệm thực phẩm;

- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý ATTP cho cán bộ y tế từ tỉnh đến xã; Tập huấn kiến thức về ATTP cho người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, người tiêu dùng, người quản lý tại địa phương; Hướng dẫn, phổ biến pháp luật về ATTP tại cộng đồng dân cư, vùng sản xuất nông sản trọng điểm trên địa bàn tỉnh, phòng chống nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh động vật sang người;

- Kiểm tra, giám sát môi nguy, phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua đường thực phẩm; lấy mẫu, kiểm nghiệm phục vụ thanh tra, hậu kiểm bảo đảm ATTP;

- Điều tra, giám sát ngộ độc thực phẩm, giám sát nguy cơ gây ô nhiễm thực phẩm và phân tích nguy cơ an toàn thực phẩm; cảnh báo, xử lý các sự cố về an toàn thực phẩm, kiểm soát ATTP các cơ sở dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể và thức ăn đường phố; giám sát dịch tễ học các bệnh truyền qua thực phẩm;

Triển khai kỹ thuật và phương pháp thử, triển khai phương pháp thử nghiệm quốc tế, khu vực, đánh giá chất lượng phòng kiểm nghiệm...

- Hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng, áp dụng các chương trình quản lý chất lượng tiên tiến (GMP, GHP, SSOP, VietGAP, HACCP...) cho các cơ sở sản xuất, chế biến các nhóm thực phẩm có nguy cơ ATTP; hướng dẫn về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật khi tham gia CPTPP và EVFTA; quy định về kiểm dịch thực vật của Trung Quốc đối với Nông sản Việt;

- Hỗ trợ thí điểm xây dựng mô hình quản lý, giám sát chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn cho trường học, bếp ăn tập thể, nhà hàng, khách sạn trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Xây dựng 01 mô hình chợ bảo đảm ATTP.

5. Dự án 5: Phòng, chống HIV/AIDS

- Đẩy mạnh công tác truyền thông phòng chống HIV/AIDS;

- Tăng cường xét nghiệm phát hiện HIV: Mở rộng xét nghiệm sàng lọc HIV, đặc biệt là xét nghiệm tại cộng đồng; giám sát dịch HIV;

- Tiếp tục củng cố mạng lưới phòng, chống HIV/AIDS các tuyến, duy trì hoạt động của mạng lưới nhân viên tiếp cận cộng đồng (NVTCCĐ) trong nhóm nghiện chính ma túy và phụ nữ mại dâm. Tăng cường hoạt động và nâng cao năng lực của các nhóm nhân viên tiếp cận cộng đồng thực hiện chương trình can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV;

- Duy trì hoạt động cấp phát các vật dụng giảm hại (cấp phát miễn phí bơm kim tiêm sạch, bao cao su và nước cất qua mạng lưới NVTCCĐ, các cơ sở y tế và các hộp cố định; Tổ chức thu gom bơm kim tiêm đã qua sử dụng thông qua mạng lưới NVTCCĐ, cộng tác viên, cơ sở y tế;

- Triển khai chương trình bơm kim tiêm, bao cao su đồng bộ với các biện pháp chương trình can thiệp giảm tác hại khác, đồng thời lồng ghép với các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS và hỗ trợ xã hội khác. Tăng cường kết nối, lồng ghép chương trình với các hoạt động dự phòng và điều trị;

- Duy trì 07 cơ sở điều trị, 09 cơ sở cấp phát thuốc Methadone (trong đó có 01 cơ sở cấp phát thuốc của xã hội hóa) để đáp ứng việc điều trị theo chỉ tiêu được giao; tổ chức truyền thông về điều trị Methadone trên các phương tiện thông tin đại chúng, truyền thông trực tiếp tại các cơ sở điều trị và cơ sở cấp phát thuốc Methadone;

- Thường xuyên theo dõi và giám sát để đảm bảo chất lượng và hiệu quả của chương trình can thiệp;

- Mở rộng, bảo đảm chất lượng điều trị HIV/AIDS: Kiện toàn mạng lưới các Phòng khám ngoại trú HIV/AIDS đủ điều kiện để thực hiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo hợp đồng với cơ quan Bảo hiểm; cấp thuốc ARV miễn phí cho các đối tượng từ nguồn quỹ BHYT cho các đối tượng có thẻ BHYT tại BVĐK huyện Bát Xát, Văn Bàn, BVĐK tỉnh; các đối tượng khác do ngân sách Chương trình và chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết 08/2018/NQ-HĐND ngày 21/6/2018 của HĐND tỉnh Lào Cai.

- Tăng cường quản lý chất lượng điều trị HIV/AIDS, kiểm soát tải lượng vi rút. Tăng cường dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con; hoàn thiện mạng lưới điều trị đồng nhiễm HIV/Lao, HIV/Viêm gan vi rút. Bảo đảm cung ứng thuốc và giám sát tình hình kháng thuốc ARV.

6. Dự án 6: Bảo đảm máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học

- Triển khai tổ chức vận động hiến máu tình nguyện
- + Tổ chức các hoạt động vận động hiến máu tình nguyện bằng các hoạt động truyền thông đặc thù;
- + Tổ chức các sự kiện hiến máu, mô hình tổ chức hiến máu hiệu quả, thiết thực cho các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh nhằm tuyển chọn nguồn người hiến máu an toàn;
- + Tổ chức các hoạt động tôn vinh người hiến máu, các hội nghị, hội thảo nhằm phối hợp tổ chức hoạt động hiến máu tình nguyện; duy trì nguồn người hiến máu an toàn trên địa bàn tỉnh;
- Đào tạo, tập huấn chuyên môn về an toàn truyền máu và phòng, chống một số bệnh lý huyết học;
- Triển khai nghiên cứu một số bệnh lý về huyết học trên địa bàn;
- Giám sát dịch tễ; thực hiện phác đồ điều trị một số bệnh lý huyết học.

7. Dự án 7: Quân dân y kết hợp

- Hỗ trợ sửa chữa, bổ sung trang thiết bị y tế thiết yếu cho cơ sở y tế quân dân y khu vực biên giới;
- Hỗ trợ công tác huấn luyện, diễn tập lực lượng y tế cơ động đáp ứng yêu cầu can thiệp nhanh trong các tình huống khẩn cấp về y tế;
- Tổ chức tập huấn, huấn luyện chuyên môn cho đội điều trị dự bị động viên;
- Khám bệnh, chữa bệnh lưu động và theo chiến dịch cho các đối tượng chính sách, người nghèo tại xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới.

8. Dự án 8: Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế

- Tăng cường hoạt động Ban quản lý Chương trình mục tiêu y tế - dân số của ngành Y tế giai đoạn 2018-2020.
- Đào tạo, tập huấn về theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá và truyền thông về các nội dung của Chương trình;

- Tổ chức các hoạt động truyền thông về các nội dung của Chương trình trên các phương tiện thông tin đại chúng (bao gồm cả truyền thông về công tác an toàn thực phẩm theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Chương trình phối hợp số 90/CTrPH/CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam);

- Tổ chức các ngày/tháng cao điểm truyền thông phù hợp với các hoạt động của Chương trình, Dự án;

- Mua sắm trang thiết bị, CNTT, phục vụ công tác truyền thông;

- Tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục, tư vấn về y tế, dân số và an toàn thực phẩm; đánh giá kiến thức, thái độ, thực hành về an toàn thực phẩm của các nhóm đối tượng. Giám sát chặt chẽ việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất cấm trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản đặc biệt là tại khu vực vùng cao, đồng bào dân tộc thiểu số;

- Xây dựng, sản xuất, nhân bản, phát hành các sản phẩm truyền thông;

- Khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, điển hình trong việc tổ chức, triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình;

- Xây dựng và duy trì hệ thống thông tin quản lý, cơ sở dữ liệu;

III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp

Các trung tâm y tế tuyến huyện, các trạm y tế xã, phường, thị trấn tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương đưa các chỉ tiêu y tế - dân số vào nhiệm vụ kinh tế - xã hội của huyện, xã và ưu tiên đầu tư từ ngân sách địa phương, bảo đảm sử dụng có hiệu quả nguồn ngân sách từ Trung ương hỗ trợ.

2. Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục chuyển đổi hành vi

Phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể liên quan đẩy mạnh tuyên truyền về chương trình mục tiêu y tế dân số lồng ghép với chương trình xây dựng xã đạt tiêu chí quốc gia y tế, xây dựng nông thôn mới, các chương trình phát triển kinh tế xã hội khác của địa phương.

Tập trung truyền thông có trọng tâm, trọng điểm về phòng, chống bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm, dân số, kế hoạch hóa gia đình, nâng cao chất lượng dân số, mất cân bằng giới tính khi sinh, an toàn thực phẩm, phòng, chống HIV/AIDS... trên phương tiện thông tin đại chúng, chú trọng đến hình thức truyền thông tại các thôn, bản, cụm dân cư, bằng nhiều ngôn ngữ, nội dung thông điệp dễ hiểu, dễ làm.

Củng cố phát huy vai trò các cán bộ chuyên trách của ngành; bồi dưỡng nâng cao kỹ năng và sử dụng hiệu quả y tế thôn bản trong thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền các nội dung chương trình mục tiêu y tế dân số.

3. Giải pháp về nguồn vốn và cơ chế huy động vốn

3.1. Nguồn vốn thực hiện chương trình:

- Vốn từ ngân sách nhà nước (NSTW, NSDP)

- Nguồn huy động, đóng góp của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác (*nếu có*).

3.2. Cơ chế huy động vốn:

- Thực hiện theo quy định về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020;

- Cơ quan thực hiện Chương trình, Dự án có trách nhiệm phối hợp với các sở ngành huy động các nguồn lực hợp pháp để phân đầu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình;

- Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu giao cho ngành Y tế; ưu tiên ngân sách cho phát triển hệ thống cơ sở, hệ thống y tế dự phòng để phòng chống các bệnh lây nhiễm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến trên địa bàn tỉnh;

- Huy động tối đa nguồn lực của địa phương để thực hiện Kế hoạch.

4. Hợp tác quốc tế

Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế dưới nhiều hình thức để huy động nguồn lực hỗ trợ thực hiện Kế hoạch.

5. Lồng ghép hoạt động trong quá trình thực hiện Chương trình

Thực hiện lồng ghép các hoạt động của Chương trình với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch ngành y tế giai đoạn 2016-2020 và với các Dự án, Chương trình khác đang cùng được thực hiện trên địa bàn tỉnh.

6. Điều hành, quản lý thực hiện chương trình

Các thành viên Ban quản lý Chương trình mục tiêu y tế- dân số giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 61/QĐ-SYT ngày 07/02/2020 của Sở Y tế Lào Cai) tham mưu cho Sở Y tế tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện các mục tiêu chương trình mục tiêu Y tế - Dân số năm 2020 trên địa bàn toàn tỉnh.

Tăng cường sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, ban, ngành đoàn thể và người dân trong việc giám sát thực hiện Kế hoạch.

IV. DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Tổng kinh phí thực hiện kế hoạch: 9.415 triệu đồng (*chín tỷ, bốn trăm mười lăm triệu đồng*), trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 6.760 triệu đồng (*Dự toán đã giao tại Quyết định 4268/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh*);

- Ngân sách địa phương: 2.655 triệu đồng (*Dự toán đã giao tại Quyết định 4268/QĐ-UBND: 1.051 triệu; dự toán chưa được giao: 1.064 triệu*)

(có phụ biểu kèm theo)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban quản lý chương trình mục tiêu y tế dân số

Ban quản lý Chương trình mục tiêu y tế- dân số giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 61/QĐ-SYT ngày 07/02/2020 của Sở Y tế Lào Cai) chịu trách

nhệm tham mưu cho Sở Y tế tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện các mục tiêu chương trình mục tiêu Y tế - Dân số năm 2020 trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Phòng Kế hoạch tài chính

Tham mưu xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chương trình; theo dõi tiến độ thực hiện, tổng hợp những khó khăn vướng mắc, tham mưu các biện pháp tháo gỡ; báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chương trình theo quy định.

Phối hợp với các ngành liên quan, tham mưu xây dựng dự toán kinh phí trình UBND tỉnh quyết định để triển khai thực hiện Chương trình. Hướng dẫn các đơn vị y tế tuyến huyện xây dựng dự toán kinh phí trình UBND cùng cấp phê duyệt để triển khai thực hiện các mục tiêu, dự án.

3. Phòng Nghiệp vụ Y

Phối hợp tham mưu công tác kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ thực hiện chương trình, dự án. Tổ chức triển khai thực hiện Dự án 7 (*Quản dân y kết hợp*).

4. Phòng Nghiệp vụ Dược

Tham mưu công tác chỉ đạo, quản lý thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế cho các hoạt động mục tiêu chương trình, dự án.

5. Chi cục DS - KHHGD

Chủ trì, tổ chức triển khai, giám sát việc thực hiện các mục tiêu về dân số KHHGD, giảm sinh, sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh, chăm sóc sức khỏe người khuyết tật, người cao tuổi... thuộc Dự án 3 (*Dân số và phát triển*).

6. Chi cục An toàn Vệ sinh thực phẩm

Chủ trì, tổ chức triển khai, giám sát việc thực hiện các mục tiêu Dự án 4 (*An toàn thực phẩm*).

7. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật

Chủ trì, tổ chức triển khai, giám sát việc thực hiện các mục tiêu phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, bệnh không lây nhiễm phổ biến thuộc Dự án 1 (*Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, bệnh không lây nhiễm phổ biến*); Dự án 2 (*Tiêm chủng mở rộng*); Dự án 8 (*Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế*); Dự án 5 (*Phòng, chống HIV/AIDS*).

Tổ chức triển khai, giám sát việc thực hiện các mục tiêu về giảm tử vong mẹ, giảm tử vong trẻ em, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 05 tuổi, cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở phụ nữ mang thai, phụ nữ tuổi sinh đẻ và trẻ em dưới 05 tuổi thuộc Dự án 3 (*Dân số và phát triển*);

8. Bệnh viện đa khoa tỉnh

Phối hợp triển khai thực hiện mục tiêu về quản lý bệnh tâm thần phân liệt, ung thư, tim mạch, hen phế quản và người mắc bệnh tắc nghẽn phổi mãn tính thuộc Dự án 1 (*Phòng, chống bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, bệnh không lây nhiễm phổ biến*); Dự án 7 (*Bảo đảm máu an toàn và phòng chống một số bệnh huyết học*).

9. Bệnh viện Sản Nhi

Phối hợp thực hiện các mục tiêu về giảm tử vong mẹ, giảm tử vong trẻ em, sàng lọc trước sinh, sơ sinh thuộc Dự án 3 (*Dân số và phát triển*).

10. Bệnh viện Nội tiết

Tổ chức triển khai, giám sát thực hiện mục tiêu giảm mắc bệnh đái tháo đường, tăng huyết áp thuộc Dự án 1 (*Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm...*)

11. Trung tâm y tế, BVĐK các huyện, thị xã, thành phố

Trung tâm y tế chủ trì, phối hợp với BVĐK tham mưu UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn. Chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện các mục tiêu dự án, chương trình trên địa bàn quản lý đảm bảo đạt mục tiêu và tiến độ đề ra.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Các đơn vị báo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu y tế dân số 6 tháng (*trước ngày 10/6*), báo cáo năm (*trước ngày 20/11*) về Sở Y tế (*qua phòng Kế hoạch tài chính*) để tổng hợp; các đơn vị được giao là đầu mối phụ trách các dự án chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả dự án trên địa bàn toàn tỉnh.

Báo cáo tổng kết thực hiện Chương trình mục tiêu cả giai đoạn 2016-2020, trước ngày 10/12/2020.

VII. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị UBND tỉnh quan tâm bố trí nguồn ngân sách cho triển khai thực hiện chương trình mục tiêu

2. Đề nghị các sở, ngành liên quan, phối hợp tham mưu UBND tỉnh các nguồn lực triển khai thực hiện. Đề nghị UBND các huyện, thành phố, thị xã phối hợp chỉ đạo, bổ sung nguồn lực cho y tế cơ sở trong quá trình triển khai thực hiện tại cơ sở.

Năm 2020 là năm cuối thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế – Dân số giai đoạn 2016-2020; các phòng chức năng, các đơn vị trực thuộc cần bám sát mục tiêu, tổ chức thực hiện đảm bảo đạt mục tiêu đề ra trong năm và mục tiêu giai đoạn. Quá trình triển khai có khó khăn, báo cáo Sở Y tế (*Phòng KHTC*) để phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- TT UBND tỉnh;
- Các sở: Tài chính, KHĐT;
- Ban Giám đốc SYT;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các phòng chức năng;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Hoàng Quốc Hương

Phụ biểu
DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU Y TẾ - DÂN SỐ NĂM 2020

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-SYT ngày /3/2020 của Sở Y tế tỉnh Lào Cai)

ĐV tính: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Tổng cộng	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương
	Tổng số	9.415	6.760	2.655
1	Dự án 1: Phòng chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến	1.438	845	593
2	Dự án 2: Tiêm chủng mở rộng	1.485	330	1.155
3	Dự án 3: Dân số và phát triển	2.805	2.805	
	- Dân số kế hoạch hóa gia đình	2.017	2.017	
	- Chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi	159	159	
	- Chăm sóc sức khỏe sinh sản	120	120	
	- Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	510	510	
4	Dự án 4: An toàn thực phẩm	2.417	1.625	792
	- Ngành Nông nghiệp	1.067	325	742
	- Nâng cao năng lực hệ thống kiểm nghiệm	230	180	50
	- Hoạt động An toàn vệ sinh thực phẩm	1.120	1.120	
5	Dự án 5: Phòng, chống HIV/AIDS	440	400	40
6	Dự án 7: Quân dân y kết hợp	95	20	75
7	Dự án 8: Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế	735	735	
	- Truyền thông y tế - dân số	545	545	
	- Truyền thông ATTP	190	190	

